

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦU NGANG  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 07/9/2023  
“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Tranh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Trung Hoà
2. Ông Lê Văn Được

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Chung Hữu Toàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh:** Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 265/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 16/8/2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt;

*Bị đơn:* Anh Trần Văn T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Xin xét xử vắng mặt;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày và yêu cầu như sau:*

- Về hôn nhân: Vào năm 2002 chị và anh Trần Văn T có xác lập quan hệ hôn nhân và năm 2004 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian chung sống bình thường nhưng khoảng 04 năm nay phát sinh mâu thuẫn về tiền bạc, về quan điểm sống và anh T mỗi lần đi uống rượu bia về kiểm chuyện chửi, nên vợ chồng hay cãi vã, vợ chồng còn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thanh T1, sinh ngày 22/8/2003, đã thành niên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo lời khai của bị đơn anh Trần Văn T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị X có quen biết nhau, sau đó tiến đến hôn nhân năm 2002, cho đến năm 2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, thời gian chung sống vợ chồng có cãi vã nhau nhưng mâu thuẫn không lớn mà phải ly hôn nên chị X xin ly hôn thì anh T không chấp nhận, nếu chị X cương quyết ly hôn thì chị X phải tính toán tiền bạc với anh cho rõ ràng thì anh mới đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thanh T1, sinh ngày 22/8/2003, đã thành niên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:***

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cho chị X ly hôn anh T. Về con chung: Trần Thanh T1, sinh ngày 22/8/2003 đã thành niên không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Chị X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa chị X và anh T là tranh chấp về ly hôn; bị đơn cư trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Trần Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Xét lời khai của chị X và anh T khi về chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào năm 2004 là đúng quy định. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị X và anh T hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu của chị X xin ly hôn anh T, thì thấy rằng theo lời khai của chị X tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay thì trong thời gian chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nên thường xuyên cãi nhau, do vợ chồng không cùng chung quan

điểm sống vì vậy mà mạnh ai nấy sống, không quan tâm với nhau, sống chung không hạnh phúc, chị X cương quyết xin được ly hôn; về phía anh T cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn trong lời nói, cách cư xử hàng ngày nhưng mâu thuẫn không lớn, nên anh không chấp nhận ly hôn, nếu chị X cương quyết ly hôn thì chị X phải tính toán tiền bạc với anh cho rõ ràng thì anh mới đồng ý ly hôn.

Tòa án xét thấy hôn nhân là tự nguyện và vợ chồng phải biết thương yêu, quan tâm, chăm sóc, cùng nhau xây dựng gia đình thì mới có cuộc sống hạnh phúc, tuy nhiên giữa chị X và anh T là vợ chồng với nhau nhưng hai người có quan điểm sống khác nhau, không nhường nhịn chia sẻ với nhau trong cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày. Qua xác minh tại địa phương nơi chị X và anh T đang sinh sống thì vợ chồng thường hay cãi vã nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng mất đi, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị X và anh T là trầm trọng không thể hàng gấn vì vậy chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X, không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của anh T là có căn cứ được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trần Thanh T1, sinh ngày 22/8/2003, đã thành niên không yêu cầu giải quyết không xem xét.

[5] Về tài sản chung, về nợ chung: Chị X và anh T không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí:Chị X phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

[7] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56; 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Trần Văn T.

- Về con chung: Trần Thanh T1, sinh ngày 22/8/2003, đã thành niên không yêu cầu giải quyết không xem xét.

-Về tài sản chung, về nợ chung: Chị X và anh T không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0015741 ngày 09/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị X đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- Chi cục THADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã Mỹ Long Bắc;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Tranh**